TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 106/2017/KDTM-ST
Ngày: 28-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Thuận

2. Bà Ngô Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trần Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2016/TLST- KDTM ngày 24 tháng 6 năm 2016 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1699/2017/QĐXXST- KDTM ngày 08 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên toà số 2015/2017/QĐST-KDTM ngày 31 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Đại Hồng P; địa chỉ trụ sở: Khu phố T, phường V, Thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn S, sinh năm 1973; địa chỉ liên lạc: Đường T, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền. (Văn bản uỷ quyền ngày 16/6/2016). (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2/ *Bị đơn:* Công ty TNHH An S; địa chỉ trụ sở: Đường P, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Khu dân cư H, ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; là người đại diện theo pháp luật. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 4 năm 2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn S trình bày:

Ngày 29/10/2014 giữa Công ty TNHH Đại Hồng P (sau đây gọi là Công ty Đại Hồng P) và Công ty TNHH An S (sau đây gọi là Công ty An S) có ký hợp đồng mua bán và lắp đặt máy móc số 29102014/HDP-ASICO với nội dung: Công ty Đại Hồng P bán cho Công ty An S một số hàng hoá gồm 02 máy bóc vỏ, 03 máy lạng và máy xén CNC, 01 máy mài dao lạng với giá 1.700.000.000 (Một tỷ bảy trăm triệu) đồng, tổng số tiền thanh toán bao gồm thuế VAT 10% là 1.870.000.000 (Một tỷ tám trăm bảy mươi triệu) đồng; thời hạn thanh toán chậm nhất là 60 ngày sau khi lắp đặt và nghiệm thu lắp đặt máy móc tại xưởng của bên mua. Theo hợp đồng, ngày 03/11/2014 Công ty Đại Hồng P đã giao toàn bộ số hàng trên và xuất hóa đơn cho Công ty An S. Ngày 15/12/2014 hai bên tiến hành lập biên bản bàn giao nghiệm thu, đồng thời Công ty An S cũng đã đưa máy móc vào khai thác, sử dụng nhưng tính đến ngày 13/01/2015 Công ty An S chỉ thanh toán cho Công ty Đại Hồng Psố tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng, còn nợ 870.000.000 (Tám trăm bảy mươi triệu) đồng, mặc dù Công ty Đại Hồng P nhiều lần nhắc nhở nhưng Công ty An S vẫn chưa thanh toán số tiền còn nợ trên.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bị đơn là Công ty TNHH An S thanh toán toàn bộ số tiền 1.074.885.000 (Một tỷ không trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm tám mươi lăm ngàn) đồng, gồm nợ tiền mua hàng là 870.000.000 (Tám trăm bảy mươi triệu) đồng và tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định, tính từ ngày 01/3/2015 đến ngày 28/9/2017 là 204.885.000 (Hai trăm lẻ bốn triệu tám trăm tám mươi lăm ngàn) đồng. Toàn bộ số tiền trên thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, bị đơn đã được Toà án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án bổ sung, giấy triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không có mặt tại Toà án để có ý kiến hoặc nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Đồng thời, Toà cũng đã tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; giấy triệu tập tham gia phiên họp vào ngày 29/6/2017 và 08/8/2017 nhưng bị đơn vắng mặt nên Toà không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên toà mở lần thứ hai, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị đưa vụ án ra xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên toà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ các Điều 24, 34, 50, 306 Luật thương mại năm 2005 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 1.074.885.000 (Một tỷ không

trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm tám mươi lăm ngàn) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Toà án:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng theo Hợp đồng mua bán hàng hoá 29102014/HDP-ASICO ngày 29/10/2014. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại, được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn là Công ty TNHH An S có trụ sở tại quận Gò Vấp. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn đã được Toà án triệu hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Xét các yêu cầu của nguyên đơn:*

2.1 Xét yêu cầu thanh toán tiền mua hàng:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cùng lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã có cơ sở xác định: Ngày 29/10/2014 nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng mua bán số 29102014/HDP-ASICO, theo nội dung của hợp đồng thì nguyên đơn bán cho bị đơn một số hàng hoá gồm 02 máy bóc vỏ, 03 máy lạng và máy xén CNC, 01 máy mài dao lạng.

Căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện: Thực hiện hợp đồng ngày 03/11/2014 nguyên đơn đã xuất bán và giao hàng cho bị đơn với tổng giá trị hợp đồng là 1.870.000.000 (Một tỷ tám trăm bảy mươi triệu) đồng. Tuy nhiên, tính đến ngày 13/01/2015 bị đơn chỉ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng, còn nợ 870.000.000 (Tám trăm bảy mươi triệu) đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 21/01/2015.

Theo thoả thuận tại mục 2.1 Điều II của hợp đồng chậm nhất là 60 ngày sau khi lắp đặt và nghiệm thu lắp đặt tại xưởng của bên mua thì bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền toàn bộ tiền mua hàng cho nguyên đơn. Xét thấy, ngày 15/12/2014 các bên đã tiến hành lắp đặt và nghiệm thu, đến nay đã quá thời hạn nêu trên nhưng bị đơn vẫn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Điều 50 của Luật thương mại năm 2005, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên được xem xét, chấp nhận buộc bị đơn thanh toán số tiền mua hàng còn nợ là 870.000.000 (Tám trăm bảy mươi triệu) đồng.

2.2 Xét yêu cầu đòi tiền lãi:

Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005, thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Như đã nêu trên, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu lãi do chậm thanh toán tiền hàng theo lãi suất trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định, tiền lãi được tính từ ngày 01/3/2015 đến ngày 28/9/2017 là 204.885.000 (Hai trăm lẻ bốn triệu tám trăm tám mươi lăm ngàn) đồng. Xét yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, có lợi cho bị đơn và không trái với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

2.3 Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Căn cứ vào thoả thuận của các bên tại hợp đồng đã ký thì khoản nợ của bị đơn đã quá thời hạn thanh toán nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền mua hàng còn nợ và tiền lãi do chậm thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí, mức án phí được quy định như sau: Đối với giá trị tài sản có tranh chấp từ trên 800.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng, mức án phí là 36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng.

Do đó, bị đơn phải chịu số tiền án phí là: 36.000.000 đồng + (274.885.000 đ x 3%) = 44.246.550 (Bốn mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi sáu ngàn năm trăm năm mươi) đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 227, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 24, 34, 50, 306 Luật thương mại năm 2005 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1. Buộc bị đơn là Công ty TNHH An S phải thanh toán số tiền theo hợp đồng mua bán số 29102014/HDP-ASICO ngày 29 tháng 10 năm 2014 là 1.074.885.000 (Một tỷ không trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm tám mươi lăm ngàn) đồng, gồm tiền hàng còn nợ 870.000.000 (Tám trăm bảy mươi triệu) đồng

và tiền lãi do chậm thanh toán 204.885.000 (Hai trăm lẻ bốn triệu tám trăm tám mươi lăm ngàn) đồng.

Thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH Đại Hồng P có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty TNHH An S chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian, số tiền chậm trả.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH An S phải chịu án phí là 44.246.550 (Bốn mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi sáu ngàn năm trăm năm mươi) đồng.

Hoàn lại tổng số tiền tạm ứng án phí 25.411.875 (Hai mươi lăm triệu bốn trăm mười một ngàn tám trăm bảy mươi lăm) đồng cho Công ty TNHH Đại Hồng P theo 02 biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0016294 ngày 24 tháng 6 năm 2016 và AA/2016/0018460 ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.GV;
- Chi cục THADS Q.GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên